

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ
ĐẠI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Ông Phó Thiên Sơn	Thành viên
Ông Sven Albert Saebel	Thành viên
Ông Dương Trọng Nghĩa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014)
Ông Huỳnh Trung Nam	Thành viên
Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Sven Albert Saebel	Tổng Giám đốc
Bà Lê Hà Quế	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2014)
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng,

Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Tài chính

Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 8 năm 2014

500 -
TY
HỮU
TTE
NAN
TP.

Số: 345 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 31. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0929-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		759.261.515.199	1.112.524.837.586
I. Tiền	110	4	450.568.422	23.369.869.763
1. Tiền	111		450.568.422	23.369.869.763
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		113.493.549.831	283.893.549.831
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	113.493.549.831	283.893.549.831
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		398.086.828.369	555.896.818.965
1. Phải thu khách hàng	131	6	11.118.686.900	310.613.246.778
2. Trả trước cho người bán	132	7	38.756.900.003	62.750.636.400
3. Các khoản phải thu khác	135	8	348.211.241.466	182.532.935.787
IV. Hàng tồn kho	140	9	244.545.066.662	246.147.641.181
1. Hàng tồn kho	141		244.545.066.662	246.147.641.181
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.685.501.915	3.216.957.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		258.345.231	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.304.652.619	3.096.752.558
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	39.095.943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		122.504.065	81.109.345
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.964.176.602.544	1.839.300.611.377
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		606.255.083.564	606.255.083.564
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	606.255.083.564	606.255.083.564
II. Tài sản cố định	220		2.677.205.022	937.281.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.085.922.407	667.152.543
- Nguyên giá	222		2.294.866.246	742.092.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.943.839)	(74.940.257)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	104.397.848	-
- Nguyên giá	228		114.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.602.152)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		486.884.767	270.128.682
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.348.283.388.449	1.226.762.512.930
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	946.863.126.467	946.923.126.467
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	32.762.945.282	32.762.945.282
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	446.663.672.901	318.505.472.901
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(78.006.356.201)	(71.429.031.720)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.960.925.509	5.345.733.658
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	1.111.595.409	1.492.976.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	5.849.330.100	3.374.336.758
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	478.420.470
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.723.438.117.743	2.951.825.448.963

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		591.274.027.033	704.255.705.717
I. Nợ ngắn hạn	310		576.867.656.909	689.439.350.357
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	209.637.534.213	413.865.206.213
2. Phải trả người bán	312		16.670.481.803	19.081.444.225
3. Người mua trả tiền trước	313		33.371	24.120.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	6.031.314.477	30.312.774.519
5. Phải trả người lao động	315		871.406.000	176.434.000
6. Chi phí phải trả	316	21	17.269.073.794	17.035.180.902
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	323.876.281.427	182.105.301.663
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.511.531.824	2.743.008.835
II. Nợ dài hạn	330		14.406.370.124	14.816.355.360
1. Phải trả dài hạn khác	333	23	13.570.966.728	14.644.254.120
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		835.403.396	172.101.240
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		2.132.164.090.710	2.247.569.743.246
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	2.132.164.090.710	2.247.569.743.246
1. Vốn điều lệ	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.493.439.505	2.610.910.700
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.329.814.592	6.329.814.592
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		121.340.836.613	238.629.017.954
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.723.438.117.743	2.951.825.448.963

01
0N
NH
EL
ET
DA



Trương Kim Thanh
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2014.



Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc/
Giám đốc Tài chính



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014


MẪU SỐ B 02-DN


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		36.507.522.590	29.359.105.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		375.505.150	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	36.132.017.440	29.359.105.618
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	24.046.117.607	13.862.206.389
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.085.899.833	15.496.899.229
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	50.776.858.525	236.529.124.456
7. Chi phí tài chính	22	28	22.552.414.675	126.865.173.278
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.975.090.194	55.226.497.290
8. Chi phí bán hàng	24		-	101.027.273
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.484.815.194	4.923.890.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		34.825.528.489	120.135.932.416
11. Thu nhập khác	31		42.000.000	795.163.877
12. Chi phí khác	32		1.896.930.198	57.390.000
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.854.930.198)	737.773.877
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.970.598.291	120.873.706.293
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	9.413.474.005	26.403.999.251
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.474.993.342)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		26.032.117.628	94.469.707.042


Trương Kim Thanh
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2014


Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc/
Giám đốc Tài chính


Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014


MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.970.598.291	120.873.706.293
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	143.605.734	24.166.998
- Các khoản dự phòng	03	6.608.122.236	9.268.030.141
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(50.688.195.400)	(174.281.287.806)
- Chi phí lãi vay	06	15.975.090.194	55.226.497.290
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.009.221.055	11.111.112.916
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(129.209.473.777)	87.694.479.767
- Thay đổi hàng tồn kho	10	1.602.574.519	(19.644.306.528)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(23.991.072.013)	(153.118.873.032)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	123.035.790	11.643.174.525
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.048.208.802)	(89.629.798)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(34.397.052.049)	(6.660.846.774)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	582.335.258	5.666.945.572
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(148.126.876)	(226.933.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(196.476.766.895)	(63.624.876.406)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.681.173.446)	(456.895.916)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(31.500.000.000)	(600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.400.000.000	118.142.862.500
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(130.000.000.000)	(251.697.476.914)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	301.763.750.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.802.561.000	6.080.276.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	377.785.137.554	(128.531.233.967)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.000.000.000	288.100.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(219.227.672.000)	(154.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(204.227.672.000)	133.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(22.919.301.341)	(58.656.110.373)
Tiền đầu kỳ	60	23.369.869.763	71.776.405.585
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	450.568.422	13.120.295.212


Trương Kim Thanh
Người lập biểu/Kế toán trưởng


Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc/
Giám đốc Tài chính


Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 10 năm 2013 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 2.000 tỷ VND, tổng số cổ phiếu là 200.000.000 với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã cổ phiếu là OCH.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 12 năm 2012.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 58 người (31 tháng 12 năm 2013: 50 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Số dư phải thu dài hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm khoản tiền ứng trước cho các đối tác để thực hiện các dự án bất động sản trong các năm tiếp theo và khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để tiến hành chuyển nhượng cổ phần. Theo đánh giá của Công ty, các khoản ứng trước này chắc chắn có thể thu hồi trong tương lai. Do vậy, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2014
	đến ngày 30/6/2014
	(Số năm)
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	05 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi công ty nhận đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Đối với các bất động sản mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng mua bán bất động sản và ủy quyền bán, Công ty thực hiện bán cho các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng mua bán bất động sản, chia sẻ lại cho nhà đầu tư khác phần bất động sản đã ký hợp đồng mua bán và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ thanh toán (tối đa bằng số tiền thu được) của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

Doanh thu lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	75	1.391.087.144
Tiền gửi ngân hàng	450.568.347	21.978.782.619
	<u>450.568.422</u>	<u>23.369.869.763</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An (i)	73.493.549.831	73.493.549.831
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	158.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	40.000.000.000	52.000.000.000
	<u>113.493.549.831</u>	<u>283.893.549.831</u>

(i) Phản ánh giá trị khoản đầu tư tương ứng với 13.630.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An. Công ty đánh giá khoản đầu tư này có thời hạn thu hồi không quá 01 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ Hương Việt	-	301.763.750.000
Khách hàng khác	11.118.686.900	8.849.496.778
	<u>11.118.686.900</u>	<u>310.613.246.778</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour (i)	38.567.900.000	38.567.900.000
Nhà cung cấp khác	189.000.003	24.182.736.400
	<u>38.756.900.003</u>	<u>62.750.636.400</u>

(i) Khoản đặt cọc theo Hợp đồng số 05/HĐCN/OCH-VIPTOUR ngày 16 tháng 5 năm 2012 về việc chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, việc chuyển nhượng vẫn chưa hoàn thành.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ông Hà Trọng Nam (i)	100.050.336.818	104.460.059.041
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (ii)	51.152.163.350	51.152.163.350
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (iii)	12.546.070.040	10.677.540.619
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang (iv)	169.524.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	4.980.584.722
Ngân hàng TMCP Đại Dương	1.259.717.980	61.000.000
Phải thu khác	13.678.953.278	11.201.588.055
	<u>348.211.241.466</u>	<u>182.532.935.787</u>

(i) Là khoản lãi tính trên khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 (ii).

(ii) Là khoản phải thu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam liên quan đến chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An theo Biên bản thanh lý về việc hoàn thành giao dịch của hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 20 tháng 12 năm 2013 và đã thanh toán xong trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(iii) Là khoản lãi phải thu của Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ theo Hợp đồng vay vốn số 30/2011/OCH-SM ngày 19 tháng 8 năm 2011 như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 (ii).

(iv) Là khoản phải thu lại tiền đặt cọc với giá trị 162.000.000.000 VND và lãi tiền đặt cọc, lãi phạt chậm trả với giá trị 7.524.000.000 VND theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 13 tháng 01 năm 2014 đã được thanh lý theo biên bản thanh lý ngày 30 tháng 3 năm 2014.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	217.384.881.238	246.147.641.181
Hàng hóa bất động sản (ii)	27.160.185.424	-
	<u>244.545.066.662</u>	<u>246.147.641.181</u>

(i) Phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án Sài Gòn Airport Plaza theo Hợp đồng chuyển nhượng với Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia với tổng số tiền là 217.293.881.238 VND. Công ty sẽ tiến hành chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng nói trên cho bên thứ ba trong năm 2014.

(ii) Giá trị trích trước các căn hộ đã nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Sao Hôm - Nha Trang theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, khai thác và sử dụng phòng khách sạn số 0109/HĐCN/2012-SCNT/SH-OCH ngày 01 tháng 9 năm 2012.

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (i)	100.000.000.000	100.000.000.000
Ông Hà Trọng Nam (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
Khác	6.255.083.564	6.255.083.564
	<u>606.255.083.564</u>	<u>606.255.083.564</u>

(i) Khoản tiền trả trước cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương ("OGC") (công ty mẹ của Công ty) về việc chuyển nhượng lại quyền thực hiện Dự án "Khách sạn Sao Hôm" tại Nha Trang.

(ii) Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Tràng Tiền từ nhóm cổ đông.

Công ty đã thực hiện đánh giá lại tài sản do Công ty Cổ phần Tràng Tiền quản lý, sử dụng bằng việc thuê chuyên gia định giá đánh giá lại tài sản. Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá giao dịch chuyển nhượng này là phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc chuyển nhượng cổ phần nêu trên là tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và chắc chắn sẽ thực hiện được, theo đó, các khoản mục Phải thu dài hạn khác không bị suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	-	742.092.800	742.092.800
Mua trong kỳ	1.069.528.546	483.244.900	1.552.773.446
Tại ngày 30/6/2014	1.069.528.546	1.225.337.700	2.294.866.246
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	74.940.257	74.940.257
Khấu hao trong kỳ	36.605.888	97.397.694	134.003.582
Tại ngày 30/6/2014	36.605.888	172.337.951	208.943.839
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	1.032.922.658	1.052.999.749	2.085.922.407
Tại ngày 31/12/2013	-	667.152.543	667.152.543

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Mua trong kỳ	114.000.000	114.000.000
Tại ngày 30/6/2014	114.000.000	114.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Hao mòn trong kỳ	9.602.152	9.602.152
Tại ngày 30/6/2014	9.602.152	9.602.152
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 30/6/2014	104.397.848	104.397.848
Tại ngày 31/12/2013	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Ngày năm quyền kiểm soát (i)	Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2014 VND	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	31/12/2009	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	08/4/2011	47.209.238.000	47.209.238.000
Công ty Cổ Phần Tân Việt	23/5/2011	109.493.338.104	109.493.338.104
Công ty Cổ phần Bánh Givral	29/12/2011	323.400.000.000	323.400.000.000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	01/4/2013	246.832.000.000	246.832.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	30/9/2013	47.000.000.000	47.000.000.000
Công TNHH MTV Tân Đại Dương	26/7/2013	-	30.000.000
Công TNHH MTV Đại Dương Xanh	25/7/2013	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên (ii)	31/12/2013	-	-
		946.863.126.467	946.923.126.467

- (i) Là ngày Công ty nắm giữ quyền kiểm soát của các công ty con sau khi đã mua số cổ phần chi phối các công ty này.
- (ii) Công ty con chịu sự kiểm soát trực tiếp của Công ty Cổ phần Bánh Givral.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại ngày 30/6/2014 (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Quảng Nam	74	74	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Quảng Ninh	83	83	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ Phần Tân Việt	Nha Trang	51,42	51,42	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Thành phố Hồ Chí Minh	98	98	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh từ bột, cacao, sôcôla và mút kẹo;
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	Hà Nội	80	80	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Hà Nội	94	94	Truyền thông
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên	Hà Nội	78,4	78,4	Sản xuất và kinh doanh kem, thực phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	32.762.945.282	32.762.945.282
	<u>32.762.945.282</u>	<u>32.762.945.282</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại ngày 30/6/2014 (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Nghệ An	49,50	49,50	Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế, cho thuê văn phòng

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	181.422.214.165	173.570.065.835
Tổng công nợ	46.390.975.760	40.379.693.821
Tài sản thuần	135.031.238.405	133.190.372.014
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	66.840.463.010	65.929.234.147

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Doanh thu	48.194.463.466	(33.326.017)
Lợi nhuận thuần	1.840.866.390	179.831.052.244
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	911.228.863	89.016.370.861

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam (i)	-	3.341.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam (i)	3.000.050.000	3.000.050.000
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (ii)	33.920.244.101	32.420.244.101
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng (i)	4.423.700.000	4.423.700.000
Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam (i)	18.563.678.800	18.563.678.800
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội (i)	11.430.000.000	11.430.000.000
Công ty TNHH VNT (iii)	204.000.000.000	74.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long (i)	116.000.000.000	116.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Việt-Sing (iv)	55.326.000.000	55.326.000.000
	<u>446.663.672.901</u>	<u>318.505.472.901</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

(i) Phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của các công ty này.

(ii) Phản ánh khoản tiền cho Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (công ty con của Công ty) vay theo các hợp đồng vay vốn, tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là giá trị Khách sạn Suối Mơ tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

(iii) Phản ánh khoản tiền đã chuyển cho Công ty TNHH VNT theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 3008/2013/HTĐT/VNT-OCH ngày 30 tháng 8 năm 2013 để thực hiện Dự án Khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang.

(iv) Phản ánh khoản tiền chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Viet Sing theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2013/HTĐT/VS-OCH ngày 17 tháng 10 năm 2013 để thực hiện Dự án Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	24.900.000.000	24.900.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	18.716.680.286	19.628.461.410
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	24.520.771.690	24.520.771.689
Công ty Cổ phần Bánh Givral	1.418.663.310	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	6.089.258.349	-
Các khoản đầu tư khác	2.360.982.566	2.379.798.621
	<u>78.006.356.201</u>	<u>71.429.031.720</u>

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u>	<u>2013</u>
	<u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ/năm	1.492.976.430	384.360.603
Tăng trong kỳ/năm	746.139.620	2.897.146.985
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(1.127.520.641)	(1.788.531.158)
Tại ngày cuối kỳ/năm	<u>1.111.595.409</u>	<u>1.492.976.430</u>

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>Chi phí chưa</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>được trừ</u>	<u></u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	<u>3.374.336.758</u>	<u>3.374.336.758</u>
Chi phí chưa được trừ cho mục đích thuế	2.474.993.342	2.474.993.342
Tại ngày 30/6/2014	<u>5.849.330.100</u>	<u>5.849.330.100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	54.637.534.213	57.095.206.213
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư (ii)	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral (iii)	140.000.000.000	140.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (iv)	-	216.770.000.000
	<u>209.637.534.213</u>	<u>413.865.206.213</u>

- (i) Phản ánh giá trị khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 30/UTDT-OCH ngày 21 tháng 4 năm 2011. Khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21 tháng 4 năm 2014 và chưa được gia hạn.
- (ii) Phản ánh giá trị khoản vay theo Hợp đồng số 18/2014/HĐVV/OCH-IOC ngày 28 tháng 4 năm 2014 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư.
- (iii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Bánh Givral theo Hợp đồng cho vay số 02/2013/HĐCV/GIVRAL-OCH ngày 04 tháng 11 năm 2013.
- (iv) Phản ánh giá trị trái phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2010/HĐMB-TP-PNB-OCH ngày 28 tháng 10 năm 2010. Trong năm 2013, Công ty đã tiến hành trả một phần gốc với giá trị là 283.230.000.000 VND. Quý I năm 2014, Công ty đã thanh toán phần gốc còn lại với số tiền là 216.770.000.000 VND.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	211.683.077	90.715.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.238.480.663	30.222.058.707
Các khoản phải nộp khác	581.150.737	-
	<u>6.031.314.477</u>	<u>30.312.774.519</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.797.677.873	15.870.796.481
Chi phí phải trả khác	1.471.395.921	1.164.384.421
	<u>17.269.073.794</u>	<u>17.035.180.902</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (i)	116.042.770.800	116.504.288.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt (ii)	45.400.000.000	45.400.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh (ii)	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả cổ tức và thù lao Hội đồng Quản trị (iii)	140.340.320.027	201.013.363
Phải trả, phải nộp khác	2.093.190.600	-
	<u>323.876.281.427</u>	<u>182.105.301.663</u>

- (i) Khoản phải trả bà Hứa Thị Bích Hạnh về số tiền bà Hạnh đã trả cho Công ty liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án SaiGon Airport Plaza.
- (ii) Khoản còn phải trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt để có quyền sở hữu cũng như các nghĩa vụ đi kèm đối với 54.520.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An.
- (iii) Khoản phải trả cổ tức và thù lao Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2014.

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nhận góp vốn đầu tư bất động sản (i)	7.289.534.268	8.541.686.448
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	6.281.432.460	6.102.567.672
	<u>13.570.966.728</u>	<u>14.644.254.120</u>

- (i) Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản tiền nhận góp vốn của các cá nhân, tổ chức theo Hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản vào Dự án Khách sạn Sao Hôm Nha Trang (Starcity Nha Trang) tại số 72-74 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 10 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 2.000 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	1.500.000.000.000	71,08%	1.500.000.000.000	75,00%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ chứng khoán HAPACO	119.453.680.000	5,97%	119.453.680.000	5,97%
Các cổ đông khác	380.546.320.000	22,95%	380.546.320.000	19,03%
	2.000.000.000.000	100%	2.000.000.000.000	100%

	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	200.000.000	200.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	200.000.000	200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND.

25. DOANH THU - GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.507.522.590	29.359.105.618
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	33.130.216.261	23.303.947.327
- Doanh thu nhượng quyền kinh doanh bất động sản	3.377.306.329	6.055.158.291
Các khoản giảm trừ doanh thu	(375.505.150)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.132.017.440	29.359.105.618
Giá vốn hàng hóa bán ra và dịch vụ cung cấp	24.046.117.607	13.862.206.389
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.318.328.484	10.587.649.504
- Giá vốn nhượng quyền kinh doanh bất động sản	1.727.789.123	3.274.556.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.118.042	171.368.525
Chi phí nhân công	7.389.675.983	5.250.766.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.605.734	24.166.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.941.081.866	9.467.464.287
Chi phí khác bằng tiền	1.172.662.053	469.278.221
	27.803.143.678	15.383.044.768

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.872.773.525	70.240.281.088
Lãi từ hoạt động đầu tư	601.524.000	151.014.034.083
Trong đó:		
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Sài Gòn-Givral	-	110.447.567.118
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An	-	40.566.466.965
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	601.524.000	-
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	3.302.561.000	15.274.809.285
	50.776.858.525	236.529.124.456

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.975.090.194	55.226.497.290
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	6.577.324.481	9.268.030.141
Chi phí tài chính khác	-	122.809.197
Chi phí sử dụng vốn phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	-	62.247.836.650
	22.552.414.675	126.865.173.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	32.970.598.291	120.873.706.293
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.302.561.000)	(15.274.809.285)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	1.870.511.177	17.100.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	31.538.548.468	105.615.997.008
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.938.480.663	26.403.999.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo biên bản thanh tra thuế	2.474.993.342	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.413.474.005	26.403.999.251

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thuế suất phổ thông thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 22% theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	209.637.534.213	413.865.206.213
Trừ: Tiền	450.568.422	23.369.869.763
Nợ thuần	209.186.965.791	390.495.336.450
Vốn chủ sở hữu	2.132.164.090.710	2.247.569.743.246
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,10	0,17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	450.568.422	23.369.869.763
Phải thu khách hàng và phải thu khác	365.585.011.930	499.401.266.129
Đầu tư ngắn hạn	113.493.549.831	283.893.549.831
Đầu tư dài hạn	444.302.690.335	316.125.674.280
Tổng cộng	923.831.820.518	1.122.790.360.003
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	209.637.534.213	413.865.206.213
Phải trả người bán và phải trả khác	353.555.856.275	215.831.000.008
Chi phí phải trả	17.269.073.794	17.035.180.902
Tổng cộng	580.462.464.282	646.731.387.123

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

10/11
CÔNG
CHÍNH
DEL
VIỆT
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty biến động như sau:

	<u>Tăng/(Giảm) số cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	+200	(1.092.750.684)
VND	-200	1.092.750.684
Cho năm kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(1.141.904.124)
VND	-200	1.141.904.124

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
30/6/2014			
Tiền	450.568.422	-	450.568.422
Phải thu khách hàng và phải thu khác	359.329.928.366	6.255.083.564	365.585.011.930
Đầu tư ngắn hạn	113.493.549.831	-	113.493.549.831
Đầu tư dài hạn	-	444.302.690.335	444.302.690.335
Tổng cộng	<u>473.274.046.619</u>	<u>450.557.773.899</u>	<u>923.831.820.518</u>
30/6/2014			
Các khoản vay	209.637.534.213	-	209.637.534.213
Phải trả người bán và phải trả khác	339.984.889.547	13.570.966.728	353.555.856.275
Chi phí phải trả	17.269.073.794	-	17.269.073.794
Tổng cộng	<u>566.891.497.554</u>	<u>13.570.966.728</u>	<u>580.462.464.282</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(93.617.450.935)</u>	<u>436.986.807.171</u>	<u>343.369.356.236</u>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền	23.369.869.763	-	23.369.869.763
Phải thu khách hàng và phải thu khác	493.146.182.565	6.255.083.564	499.401.266.129
Đầu tư ngắn hạn	283.893.549.831	-	283.893.549.831
Đầu tư dài hạn	-	316.125.674.280	316.125.674.280
Tổng cộng	<u>800.409.602.159</u>	<u>322.380.757.844</u>	<u>1.122.790.360.003</u>
31/12/2013			
Các khoản vay	413.865.206.213	-	413.865.206.213
Phải trả người bán và phải trả khác	201.186.745.888	14.644.254.120	215.831.000.008
Chi phí phải trả	17.035.180.902	-	17.035.180.902
Tổng cộng	<u>632.087.133.003</u>	<u>14.644.254.120</u>	<u>646.731.387.123</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>168.322.469.156</u>	<u>307.736.503.724</u>	<u>476.058.972.880</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Siêu thị Đại Dương Express	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Hà Trọng Nam	Cá nhân liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bánh Givral	1.804.240.801	515.454.546
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	513.489.138	606.050.243
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	5.038.751.999	4.722.218.722
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	343.636.364	533.607.273
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương	1.291.003.212	1.148.762.045
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	13.402.864.387	7.339.108.910
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	1.599.295.690	604.876.875
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	760.749.682	367.647.910
Công ty Cổ phần Tân Việt	63.636.364	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	2.659.151.142	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	83.167.174	-
Công ty Cổ phần Siêu thị Đại Dương Express	1.277.718.106	-
Doanh thu ghi nhận trước		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	32.130.000	4.938.716.170
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	918.028.320
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	45.765.396	-
Công ty Cổ phần Siêu thị Đại Dương Express	32.508.000	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	725.000.000	-
Doanh thu từ bán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ, hàng hóa		
Công ty Cổ phần Bánh Givral	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương	22.000.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	12.033.245.612	11.821.534.618
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	92.928.050	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	259.624.769	-
Công ty Cổ phần Tân Việt	20.083.602	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	201.964.773	-
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	254.709.679	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	9.131.777	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương	5.061.057	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	4.036.365	-
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Bắc	-	247.273.776.916
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	-	246.832.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	30.000.000.000	-
Lãi vay thu từ giá trị tiền ứng trước		
Ông Hà Trọng Nam	31.090.277.777	34.565.972.223
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối mơ	1.500.000.000	-
Lãi thu được từ cho vay		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	1.868.529.421	2.204.463.694
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	3.808.500.000	-
Lãi thu được từ tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	94.232.467	171.942.856
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	-	8.111.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	1.400.000.000
Công ty Cổ phần Tân Việt	3.085.344.000	5.462.447.285
Các khoản đi vay		
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	15.000.000.000	68.600.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	-	62.500.000.000
Trả nợ vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	2.457.672.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	-	57.637.886.989
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	98.300.000.000
Chi phí lãi vay và lãi tiền gửi Công ty phải trả cho		
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	1.429.999.999	3.278.988.025
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	4.866.698.612
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	-	1.696.388.891
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	3.102.862.361	4.336.874.496
Công ty Cổ phần Bánh Givral	7.742.777.777	-
Nhận ký quỹ, ký cược		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	4.501.869.196
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	495.790.218
Công ty Cổ phần Bánh Givral	188.356.788	-

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.130.262.848	1.115.845.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	993.964.643	7.837.406.252
Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương	705.506.125	1.146.627.483
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	906.804.670	853.157.002
Công ty Cổ phần Bánh Givral	289.918.766	699.099.147
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	3.011.461.043	127.068.588
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Dương	86.406.119	171.868.562
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	1.231.493.319	666.655.267
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	91.483.891	-
Công ty Cổ phần Siêu thị Đại Dương Express	1.405.489.917	-
Công ty Cổ phần Tân Việt	35.000.000	140.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	1.140.748.313	2.200.422.926
Phải thu khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.259.717.980	61.000.000
Ông Hà Trọng Nam	100.050.336.818	104.460.059.041
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	12.546.070.040	10.677.540.619
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	13.430.277.778	10.943.055.555
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	4.994.750.000
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	100.000.000.000	100.000.000.000
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	500.000.000.000
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	54.637.534.213	57.095.206.213
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	140.000.000.000	140.000.000.000
Đầu tư dài hạn		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối mơ	33.920.244.101	32.420.244.101
Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long	116.000.000.000	116.000.000.000
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	47.209.238.000	47.209.238.000
Công ty Cổ phần Tân Việt	109.493.338.104	109.493.338.104
Công ty Cổ phần Bánh Givral	323.400.000.000	323.400.000.000
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	246.832.000.000	246.832.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	47.000.000.000	47.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	32.762.945.282	32.762.945.282
Đầu tư ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	158.400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và số liệu của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét và các thuyết minh tương ứng.



Trương Kim Thanh
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2014



Hoàng Thị Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc/
Giám đốc Tài chính



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

